

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-ICREO/GVN/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EZAKI GLICO VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 7300 7935

Fax: (028) 7300 7936

Email: huong.luthanh@glico.com

Mã số doanh nghiệp: 0315576855-001

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG ICREO LEARNING MILK

2. Thành phần: Trong 100 g có chứa:

Tinh bột khoai lang thủy phân, sữa bột tách béo, đường lactose, chất béo và dầu ăn (mỡ lợn, dầu oliu, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu cọ), bột bơ sữa, galacto-oligosaccharide (0,3 g), chất nhũ hoá lecithin đậu nành (INS 322(i)), dầu tía tô, calci hydroxyd (160 mg), vitamin C (66 mg), muối, tricalci phosphat (30 mg), sắt (III) pyrophosphat (29 mg), magnesi chloride (10 mg), nicotinamid (6,8 mg), vitamin D3 (5,2 mg), calci pantothenat (5 mg), vitamin E (4,3 mg), acid 5'-cytidylic, dinatri 5' - uridylate, acid 5'-adenylic, dinatri 5'-inosinate, dinatri 5'-guanylate, vitamin B1 (0,7 mg), vitamin B6 (0,6 mg), chiết xuất cúc vạn thọ, vitamin B2 (0,6 mg), vitamin A (390 µg RE), acid folic (110 µg), biotin (0,0084 mg), vitamin B12 (0,9 µg).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Ngày sản xuất: 24 tháng trước hạn sử dụng.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước ngày cuối cùng của tháng (xem thông tin ở đáy lon (năm.tháng))

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 820 g

Ngoài ra sản phẩm còn được đóng gói theo yêu cầu của thị trường và ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc, muỗng PP, nắp màng nhôm bên trong và nắp PE bên ngoài. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo Quy định của Bộ Y Tế.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Nhật Bản

Nhà sản xuất: GLICO MANUFACTURING JAPAN CO., LTD. - Nhà máy GIFU

Địa chỉ: 1302-1 MINAMIJO, AMPACHI-CHO, AMPACHI-GUN, GIFU, NHẬT BẢN

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Xem nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn Nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024

KT. ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

LƯU THANH HƯƠNG





NỘI DUNG NHÃN PHỤ SẢN PHẨM DỰ KIẾN

THỰC PHẨM BỔ SUNG ICREO LEARNING MILK

Thành phần: Trong 100 g có chứa:

Tinh bột khoai lang thủy phân, sữa bột tách béo, đường lactose, chất béo và dầu ăn (mỡ lợn, dầu oliu, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu cọ), bột bơ sữa, galacto-oligosaccharide (0,3 g), chất nhũ hoá lecithin đậu nành (INS 322(i)), dầu tía tô, calci hydroxyd (160 mg), vitamin C (66 mg), muối, tricalci phosphat (30 mg), sắt (III) pyrophosphat (29 mg), magnesi chloride (10 mg), nicotinamid (6,8 mg), vitamin D3 (5,2 mg), calci pantothenat (5 mg), vitamin E (4,3 mg), acid 5'-cytidylic, dinatri 5' - uridylate, acid 5'-adenylic, dinatri 5'-inosinate, dinatri 5'-guanylate, vitamin B1 (0,7 mg), vitamin B6 (0,6 mg), chiết xuất cúc vạn thọ, vitamin B2 (0,6 mg), vitamin A (390 µg RE), acid folic (110 µg), biotin (0,0084 mg), vitamin B12 (0,9 µg).

Bảng thông tin dinh dưỡng (trong 100g):

Năng lượng	445 kcal	Vitamin A	390 mg	Vitamin C	66 mg	Acid pantothenic	5,0 mg
Chất đạm	11,1 g	Vitamin B1	0,7 mg	Vitamin D	5,2 µg	Calci	435 mg
Chất béo	13,7 g	Vitamin B2	0,6 mg	Vitamin E	4,3 mg	Sắt	6,6 mg
Carbohydrate	69,4 g	Vitamin B6	0,6 mg	Acid folic	110 µg	Magnesi	38 mg
Natri	460 mg	Vitamin B12	0,9 µg	Niacin	6,8 mg	Phospho	310 mg
Acid linoleic	1,8 g	Nucleotide	16 mg	Lutein	120 µg	Acid α linolenic	0,31 g
Phospholipid	200 mg	Choline	42 mg	Hàm lượng tro	2,9 g	Độ ẩm	2,9 g
Galacto-oligosaccharide	0,3 g						

Khối lượng tịnh: 820 g

Hướng dẫn sử dụng: Rửa tay sạch trước khi pha.

Một muỗng gạt chuyên dụng kèm theo (khoảng 6,27g) pha được 40ml sản phẩm

Lượng sử dụng có thể thay đổi tùy theo thể trạng của trẻ, có thể điều chỉnh tăng giảm cho phù hợp.

Gạt muỗng bột vào phần cạnh gập của nắp khi đóng bột. Muỗng chuyên dụng được để trong hộp

- ① Lấy lượng bột cần pha bằng muỗng chuyên dụng đi kèm trong hộp, cho vào ly hoặc bình đã tiệt trùng.
- ② Thêm vào một lượng nước đã đun sôi và để nguội tới khoảng 40-50°C tương đương 2/3 lượng cần pha.
- ③ Khuấy đều để bột tan hết.
- ④ Thêm nước nóng hoặc nước đun sôi để nguội vào cho đến lượng cần pha
- ⑤ Khuấy đều và làm nguội đến nhiệt độ phù hợp trước khi cho trẻ uống.

Lượng khuyến dùng

Tuổi	Số lần dùng mỗi ngày	Lượng khuyến nghị một lần sử dụng		Lượng khuyến nghị hàng ngày
		Muỗng	Tỷ lệ nước	
3 tuổi trở lên	Khoảng 2 lần	5	200ml	400ml

Bảo quản: Trước khi mở bao bì, bảo quản nơi khô mát. Sau khi mở hộp, đóng kín nắp hộp và để nơi khô mát, sạch sẽ, tránh ánh sáng trực tiếp. Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp.

Ngày sản xuất: 24 tháng trước hạn sử dụng.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước ngày cuối cùng của tháng (xem thông tin ở đáy lon (năm.tháng))

Thông tin cảnh báo:

Đóng nắp kỹ sau khi mở hộp, không để hơi ẩm, côn trùng hoặc tóc rơi vào hộp. Muỗng chuyên dụng kèm theo sản phẩm sau khi dùng cần rửa sạch và bảo quản riêng. Không bảo quản trong tủ lạnh hoặc tủ đông vì bột có thể bị ẩm. Không hâm nóng trong lò vi sóng. Tùy thuộc vào thể trạng và sức khỏe của trẻ, vui lòng tham khảo ý kiến bác sĩ, dược sĩ, y tá sức khỏe công cộng, y tá hoặc chuyên gia dinh dưỡng. Chỉ pha lượng đủ dùng trong một lần, đổ bỏ phần thừa, không uống lượng thừa còn từ những lần trước đó.

Có thể được sử dụng như một thành phần trong thức ăn và đồ ăn nhẹ cho trẻ.

Sản phẩm có chứa sữa, đậu nành.



Xuất xứ: Nhật Bản

Sản xuất bởi: GLICO MANUFACTURING JAPAN CO., LTD. – Nhà máy GIFU

Địa chỉ nhà máy sản xuất: 1302-1 MINAMIJO, AMPACHI-CHO, AMPACHI-GUN, GIFU, NHẬT BẢN.

Tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm:

- Tự công bố bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EZAKI GLICO VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Địa chỉ: Tầng 14, Toà nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 7300 7935

- Nhập khẩu bởi: CÔNG TY TNHH EZAKI GLICO VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 1306, Tầng 13, Cao ốc Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Phân phối bởi:

CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 23 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Hotline/ Đường dây nóng: 1800 545405



[Handwritten signature]



Ezaki Glico Co., Ltd.

4-6-5, Utajima, Nishiyodogawa-ku

Osaka 555-8502, Japan

PHONE: +81-6-6477-8352

PRODUCT SPECIFICATION	Document No.:	01-ICREO/2024
	Effective date:	22/02/2024

Product name	ICREO LEARNING MILK
Manufacturer	GLICO MANUFACTURING JAPAN CO.,LTD. GIFU FACTORY 1302-1 MINAMIJO, AMPACHI-CHO, AMPACHI-GUN, GIFU, JAPAN
Appearance	Yellowish-white dry powder, typical taste and odour
Net weight	820 g
Ingredient list	Sweet potato starch hydrolysate, Skimmed milk powder, Lactose, Edible fats and oils (Lard, Oleo oil, Soybean oil, Coconut oil, Palm olein), Buttermilk powder, Galacto-oligosaccharide, Emulsifier Soy lecithin INS 322(i), Perilla oil, Calcium hydroxide, Vitamin C, Salt, Tricalcium phosphate, Ferric pyrophosphate, Magnesium chloride, Vitamin E, 5'-cytidylic acid, Nicotinamide, Calcium pantothenate, Disodium 5'-uridylate, 5'-adenylic acid, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Vitamin A, Vitamin B ₁ , Vitamin B ₆ , Marigold extract, Vitamin B ₂ , Folic acid, Biotin, Vitamin D ₃ , Vitamin B ₁₂
Packaging material	Product is packaged in a tin. PP spoon, aluminum foil inner lid and PE cap.
Shelf life	24 months calculated from manufacturing date.
Allergen information	Contains milk, soy.
Storage	Store in a dry and cool place. After opening, close the cap tightly and store in a dry, cool, and clean place away from direct sunlight. Use the contents within 1 month.





Ezaki Glico Co., Ltd.

4-6-5, Utajima, Nishiyodogawa-ku

Osaka 555-8502, Japan

PHONE: +81-6-6477-8352

Parameters	Unit	Label claim	Minimum	Maximum
Main component				
Energy	kcal/100 g	445	356	534
Protein	g/100 g	11.1	8.9	13.3
Total fat	g/100 g	13.7	11.0	16.4
Carbohydrate	g/100 g	69.4	55.6	83.2
Vitamin and minerals				
Vitamin A	µg RE/100 g	390	312	585
Vitamin B ₁	mg/100 g	0.7	0.56	1.26
Vitamin B ₂	mg/100 g	0.6	0.48	1.08
Vitamin B ₆	mg/100 g	0.6	0.48	1.08
Vitamin B ₁₂	µg/100 g	0.9	0.72	1.62
Vitamin C	mg/100 g	66	53	118
Vitamin D	µg/100 g	5.2	4.2	7.8
Vitamin E	mg α-TE/100 g	4.3	3.5	6.4
Folic acid	µg/100 g	110	88	198
Niacin	mg/100 g	6.8	5.5	12.2
Pantothenic acid	mg/100 g	5.0	4.0	9.0
Calcium	mg/100 g	435	348	652
Iron	mg/100 g	6.6	5.3	9.9
Magnesium	mg/100 g	38	31	57
Phosphorus	mg/100 g	310	248	465
Sodium	mg/100 g	-	144	216
Others				
Linoleic acid	g/100 g	1.8	1.44	2.70
α-linolenic acid	g/100 g	0.31	0.25	0.46
Choline	mg/100 g	42	34	63
Nucleotide	mg/100 g	16	13	24
Phospholipid	mg/100 g	200	160	300
Galacto-oligosaccharide	g/100 g	0.3	0.24	0.45
Lutein	µg/100 g	120	96	180
Ash	g/100 g	2.9	2.4	3.4
Moisture	g/100 g	2.9	-	5.0

100g
HUNG
N HUE
-TP H

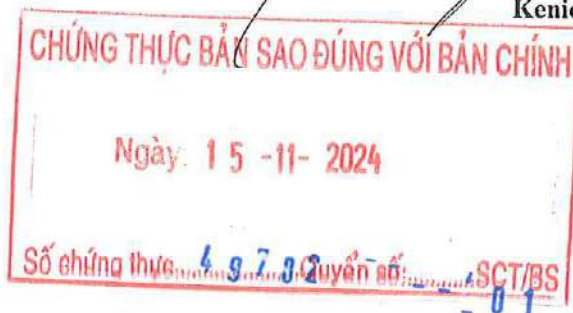
SAFETY REQUIREMENTS

Parameters	Unit	Label claim	Minimum	Maximum
Aerobic plate count	cfu/g	-	-	1000
Coliform bacteria	cfu/g	-	-	Negative
Total yeast and molds	cfu/g	-	-	Negative
<i>Salmonella</i>	/25g	-	-	Negative
<i>Listeria monocytogenes</i>	/25g	-	-	Negative
Lead	mg/kg	-	-	0.01

Ezaki Glico Co., Ltd
Group Quality Assurance Division

DIVISION HEAD


Kenichi Joho



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền



YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA SẢN PHẨM
THỰC PHẨM BỔ SUNG ICREO LEARNING MILK

1. CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	≤ 1000
2	Coliform bacteria	cfu/g	Âm tính
3	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/g	Âm tính
4	<i>Salmonella</i>	/25g	Âm tính
5	<i>Listeria monocytogenes</i>	/25g	Âm tính

2. CÁC CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1
2	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,1$
3	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,01$
4	Thiếc (Sn)	mg/kg	$\leq 250\text{mg}$



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QHP9240700227-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EZAKI GLICO VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ/ Client's Address : Tầng 14, Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 15/07/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 15/07/2024 - 20/07/2024

Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 20/07/2024

Thông tin mẫu/ Name of Sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG ICREO LEARNING MILK

Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín

Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	2.5 x 10 ²	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
4	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
5	Listeria monocytogenes (*) / Listeria monocytogenes (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 11290-1:2017
6	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
7	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: QHP9240700227-1

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
8	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
9	Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.5)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- (**).(*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*) : Items are tested by subcontractor, currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH



BẢN DỊCH NHÃN SẢN PHẨM

TRANSLATION
BẢN DỊCH

Tên nguyên liệu	Tinh bột khoai lang thủy phân, sữa bột tách béo, đường lactose, chất béo và dầu ăn (mỡ lợn, dầu oliu, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu cọ), bột bơ sữa, galacto-oligosaccharide, chất nhũ hoá lecithin đậu nành, dầu tía tô, calci hydroxyd, vitamin C, muối, tricalci phosphat, sắt pyrophosphat, magnesi chloride, vitamin E, acid 5'-cytidylic, nicotinamid, calci pantothenat, dinatri 5' - uridylate, acid 5'-adenylic, dinatri 5'-inosinate, dinatri 5'-guanylate, vitamin A, vitamin B1, vitamin B6, chiết xuất cúc vạn thọ, vitamin B2, acid folic, biotin, vitamin D3, vitamin B12.
Khối lượng tịnh	820 g
Hạn sử dụng tốt nhất	In dưới đáy hộp
Phương pháp bảo quản	Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.
Nhà phân phối	Ezaki Glico Co., Ltd. 4-6-5 Utashima, Nishiyodogawa-ku, Osaka 555-8502
Nhà sản xuất	Glico Manufacturing Japan Co., Ltd. – Nhà máy Gifu 1302-1 Minamijo, Ampachi-cho, Ampachi-gun, Gifu Prefecture, Nhật Bản

Thông tin dinh dưỡng (trong 100g)							
Năng lượng	445 kcal	Vitamin A	390 mg	Vitamin C	66 mg	Acid pantothenic	5,0 mg
Chất đạm	11,1g	Vitamin B1	0,7 mg	Vitamin D	5,2 µg	Calci	435 mg
Chất béo	13,7g	Vitamin B2	0,6 mg	Vitamin E	4,3 mg	Sắt	6,6 mg
Carbo hydrate	69,4g	Vitamin B6	0,6 mg	Acid folic	110 µg	Magnesi	38 mg

Điều gì hỗ trợ sự phát triển

Glico

Từ 3 tuổi trở lên

LUTEIN

Dầu tía tô

Nucleotide

Choline

Vitamin D

Galacto-oligosaccharide

ICREO LEARNING MILK

Để được hỗ trợ dinh dưỡng ngay từ khi còn nhỏ

LUTEIN hợp tác

Learning Milk Sản xuất tại Nhật Bản

Sản phẩm độc quyền tại Việt Nam

Dễ dàng đóng mở

Thực phẩm bổ sung Khối lượng tịnh 820g

Bổ sung dinh dưỡng cho trẻ nhỏ	CHUẢ LUTEIN
Chứa LUTEIN	LUTEIN là gì?

Được tìm thấy trong các nguồn sữa tự nhiên giàu dinh dưỡng và là dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển của trẻ.	Chống lại các chất oxy hóa được tạo ra bởi ánh sáng xanh v.v.	Không thể tự tổng hợp bởi cơ thể mà phải được cung cấp từ chế độ ăn uống
--	---	--

Bổ sung dinh dưỡng cho trẻ từ 3 tuổi trở lên.

Hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ nhỏ với thành phần **Acid α -Linolenic** có nguồn gốc từ dầu tía tô

Có chứa **vitamin D** và **calci** để hỗ trợ tăng trưởng cho trẻ

Có chứa **5 loại nucleotide**

Có chứa chất xơ **galacto-oligosaccharide** hoạt động như prebiotic



Handwritten signature and initials

Natri	0,46g	Vitamin B12	0,9 µg	Niacin	6,8 mg	Phospho	310 mg
-------	-------	-------------	--------	--------	--------	---------	--------

Acid linoleic	1,8g	Nucleotide	16mg	Lutein	120µg
Acid α-linolenic	0,31g	Phospholipid	200mg	Hàm lượng tro	2,9g
Choline	42mg	Galacto-oligosaccharide	0,3g	Độ ẩm	2,9g

Chất gây dị ứng chứa trong nguyên liệu thô (28 nguyên liệu)	Nguyên liệu sữa, đậu nành
---	---------------------------

Lượng sử dụng ước tính • Một muỗng (khoảng 6,27g) cùng 40ml.

Độ tuổi	Số lần dùng trong một ngày	Lượng khuyến nghị một lần sử dụng		Lượng sản phẩm khuyến dùng trong một ngày
		Số muỗng	Tỷ lệ nước	
3 tuổi trở lên	Khoảng 2 lần	5	200ml	400ml

* Lượng sử dụng có thể thay đổi tùy theo thể trạng của trẻ, có thể điều chỉnh tăng giảm cho phù hợp.

* Muỗng chuyên dụng được để trong hộp

* Gạt muỗng bột vào phần cạnh gấp của nắp khi đóng hộp.

Chúng tôi đánh giá cao góp ý của bạn

Trung tâm khách hàng Glico- 0120-964-369
www.glico.com/jp

Mã Hộp Nhựa Nắp: PE (polyethylene)
vạch thiếc PP Muỗng: PP (polypropylene)
Nắp màng nhôm bên trong

Bấm vào đây để biết thông tin về ICREO ➡ Mã QR

Hướng dẫn sử dụng

• Vui lòng tham khảo lượng bột tiêu chuẩn theo hướng dẫn ở bảng bên phải.

• Chỉ pha lượng vừa đủ dùng trong một lần, đổ bỏ phần thừa, không uống lượng còn thừa từ những lần trước đó.

Thận trọng khi sử dụng

• Đóng nắp kỹ sau khi mở hộp, không để hơi ẩm, côn trùng hoặc tóc rơi vào hộp. Sau khi mở hộp, đóng kín nắp hộp để nơi khô mát, sạch sẽ tránh ánh sáng trực tiếp. Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp.

• Muỗng chuyên dụng kèm theo sản phẩm sau khi dùng cần rửa sạch và bảo quản riêng.

• Không bảo quản trong tủ lạnh hoặc tủ đông vì bột có thể bị ẩm. Không hâm

Hướng dẫn pha sữa

• Rửa tay sạch trước khi pha.

• Một muỗng gạt chuyên dụng kèm theo pha được 40ml sản phẩm

① Lấy lượng bột cần pha bằng muỗng chuyên dụng đi kèm trong hộp, cho vào ly hoặc bình đã tiệt trùng.

② Thêm vào một lượng nước đã đun sôi và để nguội tới khoảng 40-50oC tương đương 2/3 lượng cần pha.

③ Khuấy đều để bột tan hết.

101
1 P
IG
UY
101

Muu
ctn *hb*

		nóng trong lò vi sóng. Tùy thuộc vào thể trạng và sức khỏe của trẻ, vui lòng tham khảo ý kiến bác sĩ, dược sĩ, y tá sức khỏe công cộng, y tá hoặc chuyên gia dinh dưỡng.	④ Thêm nước nóng hoặc nước đun sôi để nguội vào cho đến lượng cần pha ⑤ Khuấy đều và làm nguội đến nhiệt độ phù hợp trước khi cho trẻ uống. * Có thể được sử dụng như một thành phần trong thức ăn và đồ ăn nhẹ cho trẻ.
--	--	---	---

4L3(CAN)

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH EZAKI GLICO VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Giám đốc Tài chính và Hành chính

Lư Thanh Hương

(đã ký và đóng dấu)

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.

Người dịch

Cao Thị Hạnh

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2024 (Ngày mười lăm tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)
Tại, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Tôi, **Vũ Thị Phương** - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Cao Thị Hạnh.
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 3 bản chính, mỗi bản gồm 4 tờ, 4 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 26760 Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Phương

Tôi, Đinh Thị Hòe, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

ĐH

Đinh Thị Hòe

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2024 (Ngày mười lăm tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Thị Phương* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đinh Thị Hòe, CMND số: 186820408 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/05/2013, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đinh Thị Hòe;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 3 bản chính, mỗi bản gồm 4 tờ, 4 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 26761 Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Vũ Thị Phương



Glico

Ezaki Glico Co., Ltd.
4-6-5, Utajima, Nishiyodogawa-ku, Osaka
555-8502, Nhật Bản
Số điện thoại: +81-6-6477-8352

TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Tài liệu số:	01-ICREO/2024
	Ngày có hiệu lực:	22/02/2024

Tên sản phẩm	ICREO LEARNING MILK
Nhà sản xuất	GLICO MANUFACTURING JAPAN CO., LTD. GIFU FACTORY 1302-1 MINAMIJO, AMPACHI-CHO, AMPACHI-GUN, GIFU, NHẬT BẢN
Cảm quan	Bột khô màu trắng vàng, hương vị và mùi vị đặc trưng
Khối lượng tịnh	820 g
Danh sách thành phần	Tinh bột khoai lang thủy phân, sữa bột tách béo, đường lactose, chất béo và dầu ăn (mỡ lợn, dầu oliu, dầu đậu nành, dầu dừa, dầu cọ), bột bơ sữa, galacto-oligosaccharide, chất nhũ hoá lecithin đậu nành INS 322(i), dầu tía tô, calci hydroxyd, vitamin C, muối, tricalci phosphat, sắt pyrophosphat, magnesi chloride, vitamin E, acid 5'-cytidylic, nicotinamide, calci pantothenat, dinatri 5' - uridylate, acid 5'-adenylic, dinatri 5'-inosinate, dinatri 5'-guanylate, vitamin A, vitamin B1, vitamin B6, chiết xuất cúc vạn thọ, vitamin B2, acid folic, biotin, vitamin D3, vitamin B12.
Chất liệu bao bì	Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc. Muỗng PP, nắp PE và nắp màng nhôm bên trong.
Hạn sử dụng	24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Thông tin gây dị ứng	Chứa sữa, đậu nành.
Bảo quản	Bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát. Sau khi mở hộp, đóng kín nắp hộp để nơi khô mát, sạch sẽ tránh ánh sáng trực tiếp. Sử dụng sản phẩm trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp



4

u



Glico

Ezaki Glico Co., Ltd.
4-6-5, Utajima, Nishiyodogawa-ku, Osaka
555-8502, Nhật Bản
Số điện thoại: +81-6-6477-8352

Thông số	Đơn vị	Thông tin trên nhãn	Tối thiểu	Tối đa
Mục chính				
Năng lượng	kcal/100 g	445	356	534
Chất đạm	g/100 g	11,1	8,9	13,3
Tổng chất béo	g/100 g	13,7	11,0	16,4
Carbohydrat	g/100 g	69,4	55,6	83,2
Vitamin và khoáng chất				
Vitamin A	µg RE/100 g	390	312	585
Vitamin B1	mg/100 g	0,7	0,56	1,26
Vitamin B2	mg/100 g	0,6	0,48	1,08
Vitamin B6	mg/100 g	0,6	0,48	1,08
Vitamin B12	µg/100 g	0,9	0,72	1,62
Vitamin C	mg/100 g	66	53	118
Vitamin D	µg/100 g	5,2	4,2	7,8
Vitamin E	mg α-TE/100 g	4,3	3,5	6,4
Acid Folic	µg/100 g	110	88	198
Niacin	mg/100 g	6,8	5,5	12,2
Acid Pantothenic	mg/100 g	5,0	4,0	9,0
Calci	mg/100 g	435	348	652
Sắt	mg/100 g	6,6	5,3	9,9
Magnesi	mg/100 g	38	31	57
Phospho	mg/100 g	310	248	465
Natri	mg/100 g	-	144	216
Thành phần khác				
Acid Linoleic	g/100 g	1,8	1,44	2,70
Acid α-linolenic	g/100 g	0,31	0,25	0,46
Choline	mg/100 g	42	34	63
Nucleotide	mg/100 g	16	13	24
Phospholipid	mg/100 g	200	160	300
Galacto-oligosaccharide	g/100 g	0,3	0,24	0,45
Lutein	µg/100 g	120	96	180
Tro	g/100 g	2,9	2,4	3,4
Độ ẩm	g/100 g	2,9	-	5,0

U

u



Glico

Ezaki Glico Co., Ltd.
4-6-5, Utajima, Nishiyodogawa-ku, Osaka
555-8502, Nhật Bản
Số điện thoại: +81-6-6477-8352

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN

Thông số	Đơn vị	Thông tin trên nhãn	Tối thiểu	Tối đa
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	-	-	1000
Vi khuẩn Coliform	cfu/g	-	-	Âm tính
Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/g	-	-	Âm tính
<i>Salmonella</i>	/25g	-	-	Âm tính
<i>Listeria monocytogenes</i>	/25g	-	-	Âm tính
Chì (Pb)	mg/kg	-	-	0,01

Ezaki Glico Co., Ltd
Phòng Đảm bảo Chất lượng Tập đoàn
TRƯỞNG PHÒNG

Kenichi Joho
(Đã ký và đóng dấu)

W

M

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch



Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2024 (Ngày mười lăm, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 bản chính, mỗi bản gồm 04 tờ, 04 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 26731, Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Trần Thị Huyền



Ezaki Glico Co., Ltd.

4-6-5, Utajima, Nishiyodogawa-ku

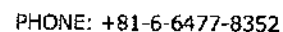
Osaka 555-8502, Japan

PHONE: +81-6-6477-8352

PRODUCT SPECIFICATION	Document No.:	01-ICREO/2024
	Effective date:	22/02/2024

Product name	ICREO LEARNING MILK
Manufacturer	GLICO MANUFACTURING JAPAN CO.,LTD. GIFU FACTORY 1302-1 MINAMIJO, AMPACHI-CHO, AMPACHI-GUN, GIFU, JAPAN
Appearance	Yellowish-white dry powder, typical taste and odour
Net weight	820 g
Ingredient list	Sweet potato starch hydrolysate, Skimmed milk powder, Lactose, Edible fats and oils (Lard, Oleo oil, Soybean oil, Coconut oil, Palm olein), Buttermilk powder, Galacto-oligosaccharide, Emulsifier Soy lecithin INS 322(i), Perilla oil, Calcium hydroxide, Vitamin C, Salt, Tricalcium phosphate, Ferric pyrophosphate, Magnesium chloride, Vitamin E, 5'-cytidylic acid, Nicotinamide, Calcium pantothenate, Disodium 5'-uridylate, 5'-adenylic acid, Disodium 5'-inosinate, Disodium 5'-guanylate, Vitamin A, Vitamin B ₁ , Vitamin B ₆ , Marigold extract, Vitamin B ₂ , Folic acid, Biotin, Vitamin D ₃ , Vitamin B ₁₂
Packaging material	Product is packaged in a tin. PP spoon, aluminum foil inner lid and PE cap.
Shelf life	24 months calculated from manufacturing date.
Allergen information	Contains milk, soy.
Storage	Store in a dry and cool place. After opening, close the cap tightly and store in a dry, cool, and clean place away from direct sunlight. Use the contents within 1 month.

19/10
H
H
P



Parameters	Unit	Label claim	Minimum	Maximum
Main component				
Energy	kcal/100 g	445	356	534
Protein	g/100 g	11.1	8.9	13.3
Total fat	g/100 g	13.7	11.0	16.4
Carbohydrate	g/100 g	69.4	55.6	83.2
Vitamin and minerals				
Vitamin A	µg RE/100 g	390	312	585
Vitamin B ₁	mg/100 g	0.7	0.56	1.26
Vitamin B ₂	mg/100 g	0.6	0.48	1.08
Vitamin B ₆	mg/100 g	0.6	0.48	1.08
Vitamin B ₁₂	µg/100 g	0.9	0.72	1.62
Vitamin C	mg/100 g	66	53	118
Vitamin D	µg/100 g	5.2	4.2	7.8
Vitamin E	mg α-TE/100 g	4.3	3.5	6.4
Folic acid	µg/100 g	110	88	198
Niacin	mg/100 g	6.8	5.5	12.2
Pantothenic acid	mg/100 g	5.0	4.0	9.0
Calcium	mg/100 g	435	348	652
Iron	mg/100 g	6.6	5.3	9.9
Magnesium	mg/100 g	38	31	57
Phosphorus	mg/100 g	310	248	465
Sodium	mg/100 g	-	144	216
Others				
Linoleic acid	g/100 g	1.8	1.44	2.70
α-linolenic acid	g/100 g	0.31	0.25	0.46
Choline	mg/100 g	42	34	63
Nucleotide	mg/100 g	16	13	24
Phospholipid	mg/100 g	200	160	300
Galacto-oligosaccharide	g/100 g	0.3	0.24	0.45
Lutein	µg/100 g	120	96	180
Ash	g/100 g	2.9	2.4	3.4
Moisture	g/100 g	2.9	-	5.0

SAFETY REQUIREMENTS

Parameters	Unit	Label claim	Minimum	Maximum
Aerobic plate count	cfu/g	-	-	1000
Coliform bacteria	cfu/g	-	-	Negative
Total yeast and molds	cfu/g	-	-	Negative
<i>Salmonella</i>	/25g	-	-	Negative
<i>Listeria monocytogenes</i>	/25g	-	-	Negative
Lead	mg/kg	-	-	0.01

Ezaki Glico Co., Ltd
Group Quality Assurance Division

DIVISION HEAD


Kenichi Joho

